

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 5 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Trương Thoại Lượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Tú Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 19xx

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã B1 thị trấn B2, huyện B3, Thành phố Cần Thơ.

Tạm trú tại: Công ty TH, thị xã VT, huyện T, tỉnh Bình Dương (có mặt)

**- Bị đơn:** Ông Liêu Tiến D, sinh năm 19xx

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã A1, huyện A2, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2023 của nguyên đơn là bà

Đoàn Thị Th và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn Đoàn Thị Th và bị đơn là ông Liêu Tiến D quen biết, tìm hiểu được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A1, huyện A2, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 24 tháng 6 năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên ông, bà đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống ông, bà có 02 con chung tên Liêu Chí Th, sinh ngày 04 tháng 6 năm 20xx và Liêu Chí Đ, sinh ngày 05 tháng 12 năm 20xx. Khi ly hôn nguyên đơn Th đồng ý giao 02 con chung cho ông Liêu Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và bà Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn Đoàn Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Th yêu cầu được ly hôn với bị đơn là ông Liêu Tiến D.

Về con chung: Bà Th đồng ý giao hai người con chung là cháu Liêu Chí Th, sinh ngày 04 tháng 6 năm 20xx và cháu Liêu Chí Đ, sinh ngày 05 tháng 12 năm 20xx hiện đang sống chung với ông D cho ông D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th và cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện trước đây nguyên đơn có trình bày bà không cấp dưỡng nuôi con nhưng nay tại phiên tòa nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Đ mỗi tháng là 800.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu Th và cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Bị đơn ông Liêu Tiến D: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của ông Liêu Tiến D tại Thông báo thụ lý vụ án số: 26/TB-TLVA, ngày 15 tháng 02 năm 2023 và đã tổng đạt hợp lệ cho ông Liêu Tiến D, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông Liêu Tiến D đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông. Nhưng ông D không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Th và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông D cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

\* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Đoàn Thị Th thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn là ông Liêu Tiến D vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Th, về việc yêu cầu xin ly hôn với ông Liêu Tiến D và đồng ý giao hai người con chung là cháu Liêu Chí Th, sinh ngày 04 tháng 6 năm 20xx và cháu Liêu Chí Đ, sinh ngày 05 tháng 12 năm 20xx hiện đang sống chung với ông D cho ông D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th và cháu Đ đủ 18 tuổi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Đ mỗi tháng là 800.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu Th và cháu Đ đủ 18 tuổi. Nhận thấy các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về tài sản chung và nợ chung bà Th tự trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 30 tháng 01 năm 2023, nguyên đơn Đoàn Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Liêu Tiến D, sinh năm 19xx có địa chỉ tại ấp A, xã A1, huyện A2, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Liêu Tiến D vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn Th yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn D. Vì vậy,

Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn D theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Th trình bày trước đây nguyên đơn đồng ý giao hai con chung là cháu Th và cháu Đ cho ông Liêu Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng và nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trước đây là nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Đ mỗi tháng là 800.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu Th và cháu Đ đủ 18 tuổi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông D kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã TH, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26 tháng 4 năm 2013, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông D là hợp pháp. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”. Như vậy, bà Th có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Th, Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi kết hôn, bà Th và ông D cũng có thời gian chung sống hạnh phúc bên nhau từ năm 2013 đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn bất đồng qua điểm sống, tính tình không hợp nhau, không còn tiếng nói chung và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau ông bà đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, tại phiên tòa bà Th kiên quyết ly hôn với ông D. Như vậy, bà Th và ông D đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Th là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Th ly hôn với ông D.

[5] Về con chung: Bà Th đồng ý cho ông D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Liêu Chí Th, sinh ngày 04 tháng 6 năm 20xx và cháu Liêu Tiến Đ, sinh ngày 05 tháng 12 năm 20xx cho đến khi cháu Th và cháu Đ đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi bà Th và ông D sống ly thân cho đến nay cháu Th và cháu Đ đều do ông D trực tiếp chăm sóc, cuộc sống của các cháu đang ổn định, tâm lý về mọi mặt được đảm bảo và hiện tại cũng được ông D cho các

cháu đi học đầy đủ. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Th thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”* chấp nhận yêu cầu của bà Th giao cháu Th và cháu Đ cho ông D được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th và cháu Đ đủ 18 tuổi.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Tại phiên tòa bà Thảo đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Đ mỗi tháng là 800.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi cháu Th và cháu Đ đủ 18 tuổi, Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2023. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện nêu trên của bà Th về mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Ngoài ra, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 còn quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Như vậy, bà Th là người không trực tiếp nuôi cháu Th và cháu Đ nên bà Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Th tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Th và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 và điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244 Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 và Điểm a Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Th

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đoàn Thị Th và ông Liêu Tiến D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Liêu Chí Th (nam, sinh ngày 04 tháng 6 năm 20xx và Liêu Chí Đ (nam, sinh ngày 05 tháng 12 năm 20xx) hiện đang sống chung với ông D cho ông Liêu Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Th và cháu Đ đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 800.000 đồng (Tám trăm ngàn)/tháng/cháu, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 08 tháng 5 năm 2023 cho đến khi cháu Th và cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi).

2.3. Bà Đoàn Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở bà thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đoàn Thị Th tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005786 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà Th phải nộp tiếp án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền là 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành, TST;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CT;
- UBND xã TH, H. CT, TST;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Kim Huệ**